

Số: **34** /2015/QĐ-UBND

Hòa Bình, ngày **11** tháng 11 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Hòa Bình

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKH-CN ngày 22/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính – Bộ trưởng Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 273/TTr-STC - TCHCSN ngày 23/10/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau (10) mười ngày kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 08/2011/QĐ-UBND ngày 06/6/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành Quy định về định mức xây dựng và phân bổ dự toán kinh phí đối với các đề tài, dự án khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, ngành, đoàn thể; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các đơn vị tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Tài chính (b/c);
- Bộ Khoa học và Công nghệ (b/c);
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- TTHĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh, Phó CVPUBND tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu VT, TCTM, TT (100b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**




Nguyễn Văn Quang

QUY ĐỊNH

Định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Hòa Bình

(Ban hành kèm theo Quyết định số **34** /2015/QĐ-UBND ngày **11** /11/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Chương I **QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định các yếu tố đầu vào cấu thành dự toán nhiệm vụ khoa học và công nghệ (KH&CN) có sử dụng ngân sách nhà nước; định mức xây dựng dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ KH&CN; các hoạt động phục vụ công tác quản lý nhiệm vụ KH&CN của cơ quan có thẩm quyền; quy định về lập, thẩm định, phê duyệt và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ KH&CN; quy định chi công bố kết quả nghiên cứu và chi đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhiệm vụ KH&CN và cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước; các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng định mức xây dựng và phân bổ dự toán

Các định mức xây dựng dự toán quy định tại Quy định này là định mức tối đa, áp dụng đối với các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh và cấp cơ sở (cấp ngành; cấp huyện).

Các định mức chi khác làm căn cứ lập dự toán của nhiệm vụ KH&CN không quy định cụ thể tại Quy định này được thực hiện theo các quy định hiện hành của nhà nước.

Điều 4. Các loại nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước

Các loại nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước được quy định tại Điều 27, 28 Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và Công nghệ.

Điều 5. Chức danh thực hiện nhiệm vụ KH&CN

1. Các chức danh thực hiện nhiệm vụ KH&CN

- a) Chủ nhiệm nhiệm vụ;
- b) Thành viên thực hiện chính, thư ký khoa học;
- c) Thành viên;

d) Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ.

2. Số lượng thành viên và ngày công tham gia đối với mỗi chức danh (Chức nhiệm nhiệm vụ; thành viên thực hiện chính, thư ký khoa học; thành viên) phụ thuộc vào nội dung thực hiện theo thuyết minh nhiệm vụ KH&CN được Hội đồng KH&CN cấp tỉnh xem xét và cơ quan có thẩm quyền quyết định phê duyệt đảm bảo theo đúng các quy định của Nhà nước.

3. Đối với chức danh kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 7 Quy định này.

Chương II **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Mục I

CÁC YẾU TỐ ĐẦU VÀO CẤU THÀNH DỰ TOÁN VÀ MỘT SỐ KHUNG ĐỊNH MỨC XÂY DỰNG DỰ TOÁN NHIỆM VỤ KH&CN

Điều 6. Các yếu tố đầu vào cấu thành dự toán nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước

1. Tiền công lao động trực tiếp, gồm: tiền công cho các chức danh quy định tại Điều 5 Quy định này; tiền công thuê chuyên gia trong nước và chuyên gia ngoài nước phối hợp trong quá trình nghiên cứu và thực hiện nhiệm vụ KH&CN. Đối với nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở không được thuê chuyên gia trong quá trình tổ chức thực hiện.

2. Chi mua vật tư, nguyên, nhiên, vật liệu, gồm: nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, dụng cụ, phụ tùng, vật rẻ tiền mau hỏng, năng lượng, tài liệu, tư liệu, số liệu, sách, báo, tạp chí tham khảo, quyền sử dụng sáng chế, thiết kế, phần mềm, bí quyết công nghệ phục vụ hoạt động nghiên cứu.

3. Chi sửa chữa, mua sắm tài sản cố định

a) Chi mua tài sản thiết yếu, phục vụ trực tiếp cho hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của nhiệm vụ KH&CN;

b) Chi thuê tài sản trực tiếp tham gia thực hiện nghiên cứu và phát triển công nghệ của nhiệm vụ KH&CN;

c) Chi khấu hao tài sản cố định (nếu có) trong thời gian trực tiếp tham gia thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo mức trích khấu hao quy định đối với tài sản của doanh nghiệp;

d) Chi sửa chữa trang thiết bị, cơ sở vật chất phục vụ trực tiếp cho việc nghiên cứu của nhiệm vụ KH&CN.

4. Chi hội thảo khoa học, công tác phí trong và ngoài nước phục vụ hoạt động nghiên cứu.

5. Chi trả dịch vụ thuê ngoài phục vụ hoạt động nghiên cứu.

6. Chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu.

7. Chi văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, in ấn phục vụ hoạt động nghiên cứu.

8. Chi hợp hội đồng tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN của cơ quan chủ trì.

9. Chi quản lý chung nhiệm vụ KH&CN nhằm đảm bảo yêu cầu quản lý trong triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

10. Chi khác có liên quan trực tiếp đến triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

Điều 7. Khung định mức làm căn cứ xây dựng dự toán nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước.

1. Dự toán tiền công lao động trực tiếp

a) Cấu trúc thuyết minh phân tính tiền công lao động triển khai nhiệm vụ KH&CN bao gồm các công việc và dự kiến kết quả như sau:

| STT | Nội dung công việc | Dự kiến kết quả |
|-----|---|---|
| 1 | Nghiên cứu tổng quan | Xây dựng thuyết minh nhiệm vụ KH&CN, báo cáo tổng quan vấn đề cần nghiên cứu |
| 2 | Đánh giá thực trạng | Báo cáo thực trạng vấn đề cần nghiên cứu |
| 3 | Thu thập thông tin, tài liệu, dữ liệu; xử lý số liệu, phân tích thông tin, tài liệu, dữ liệu | Báo cáo kết quả thu thập tài liệu, dữ liệu, xử lý số liệu, phân tích thông tin, tài liệu, dữ liệu |
| 4 | Nội dung nghiên cứu chuyên môn | Báo cáo về kết quả nghiên cứu chuyên môn |
| 5 | Tiến hành thí nghiệm, thử nghiệm, thực nghiệm, khảo nghiệm, chế tạo, sản xuất; nghiên cứu, hoàn thiện quy trình công nghệ | Báo cáo về kết quả thí nghiệm, thử nghiệm, thực nghiệm, khảo nghiệm, chế tạo, sản xuất; quy trình công nghệ |
| 6 | Đề xuất giải pháp, kiến nghị, sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm, chế phẩm, mô hình, ấn phẩm khoa học và đề xuất khác | Báo cáo kết quả về kiến nghị, giải pháp, sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm, chế phẩm, mô hình, ấn phẩm khoa học và kết quả khác |
| 7 | Tổng kết, đánh giá | Báo cáo thống kê, báo cáo tóm tắt và báo cáo tổng hợp |

Trong trường hợp cụ thể, nhiệm vụ KH&CN có thể không đầy đủ các phần nội dung theo cấu trúc trên.

b) Tiền công trực tiếp cho các chức danh thực hiện nhiệm vụ KH&CN được tính theo ngày công lao động quy đổi (08 giờ/01 ngày; trường hợp có số giờ công lẻ, trên 4 giờ được tính 1 ngày công, dưới 4 giờ được tính 1/2 ngày công) và mức lương cơ sở do Nhà nước quy định tại thời điểm xây dựng dự toán;

Tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN có trách nhiệm xây dựng thuyết minh dự toán tiền công theo cấu trúc chung nhiệm vụ KH&CN tại điểm

a, khoản 1 Điều này, chi tiết theo từng chức danh tham gia thực hiện nội dung công việc, số ngày công tham gia của từng chức danh;

Dự toán tiền công trực tiếp đối với từng chức danh được tính theo công thức và định mức sau:

$$Tc = Lcs \times Hsten \times Snc$$

Trong đó:

Tc: Dự toán tiền công của chức danh

Lcs: Lương cơ sở do Nhà nước quy định

Hsten: Hệ số tiền công ngày tính theo lương cơ sở của từng chức danh tính theo Bảng 1 dưới đây

Snc: Số ngày công của từng chức danh

Bảng 1: Hệ số tiền công ngày cho các chức danh thực hiện nhiệm vụ KH&CN

| STT | Chức danh | Hệ số chức danh nghiên cứu (Hcd) | Hệ số lao động khoa học (Hkh) | Hệ số tiền công theo ngày (Hsten) | |
|-----|---|----------------------------------|-------------------------------|-----------------------------------|---------------|
| | | | | Cấp tỉnh | Cấp cơ sở |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) = (3)x(4)/22 x 70% | (6) = (5)x35% |
| 1 | Chủ nhiệm nhiệm vụ | 6,92 | 2,5 | 0,55 | 0,2 |
| 2 | Thành viên thực hiện chính; thư ký khoa học | 5,42 | 2,0 | 0,35 | 0,12 |
| 3 | Thành viên | 3,66 | 1,5 | 0,18 | 0,06 |
| 4 | Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ | 2,86 | 1,2 | 0,11 | 0,04 |

c) Dự toán tiền công trực tiếp đối với chức danh kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ không quá 20% tổng dự toán tiền công trực tiếp đối với các chức danh quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều 5 Quy định này.

2. Thuê chuyên gia trong nước và ngoài nước phối hợp nghiên cứu.

a) Thuê chuyên gia trong nước.

Trong trường hợp nhiệm vụ KH&CN có nhu cầu thuê chuyên gia trong nước, tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia thực hiện thương thảo mức tiền thuê chuyên gia, thuyết minh rõ cho Hội đồng tư vấn đánh giá xem xét, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo hợp đồng khoán việc. Trường hợp thuê chuyên gia trong nước theo ngày công

thì mức dự toán thuê chuyên gia trong nước không quá 30.000.000 đồng/người/tháng (tháng làm việc tính trên cơ sở 22 ngày làm việc);

Tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia trong nước không quá 30% tổng dự toán kinh phí chi tiền công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN quy định tại khoản 1 Điều 7 Quy định này;

Trong trường hợp đặc biệt, nhiệm vụ KH&CN có dự toán thuê chuyên gia trong nước vượt quá 30.000.000 đồng/người/tháng hoặc tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung thuê chuyên gia trong nước vượt quá 30% tổng dự toán kinh phí chi tiền công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN quy định tại khoản 1 Điều 7 Quy định này thì sẽ do Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định phê duyệt sau khi có ý kiến bằng văn bản của Sở Khoa học và Công nghệ.

b) Thuê chuyên gia ngoài nước

Trong trường hợp nhiệm vụ KH&CN có nhu cầu thuê chuyên gia ngoài nước, tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia thực hiện thương thảo mức tiền thuê chuyên gia, thuyết minh rõ kết quả của việc thuê chuyên gia, tiêu chí đánh giá kết quả thuê chuyên gia cho hội đồng tư vấn đánh giá xem xét, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo hợp đồng khoán việc;

Tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia ngoài nước không quá 40% tổng dự toán kinh phí chi tiền công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN quy định tại khoản 1 Điều 7 Quy định này;

Trong trường hợp đặc biệt, nhiệm vụ KH&CN có tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung thuê chuyên gia ngoài nước vượt quá 40% tổng dự toán kinh phí chi tiền công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN quy định tại khoản 1 Điều 7 Quy định này thì sẽ do Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định phê duyệt sau khi có ý kiến bằng văn bản của Sở Khoa học và Công nghệ.

3. Dự toán chi phí mua vật tư, nguyên, nhiên, vật liệu được xây dựng trên cơ sở thuyết minh dự kiến khối lượng công việc, chế độ, định mức hiện hành (nếu có) và các báo giá liên quan.

4. Dự toán chi sửa chữa, mua sắm tài sản cố định được xây dựng trên cơ sở thuyết minh dự kiến khối lượng công việc, chế độ, định mức hiện hành (nếu có) và các báo giá liên quan. Nội dung chi này có mục tiêu, nội dung gắn kết hữu cơ, đồng bộ và được tiến hành trong một thời gian nhất định phù hợp với tiến độ của nhiệm vụ KH&CN; được quản lý theo quy định hiện hành về sửa chữa, mua sắm tài sản hình thành có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước.

5. Dự toán chi hội thảo khoa học phục vụ hoạt động nghiên cứu.

Nội dung và định mức chi hội thảo khoa học phục vụ hoạt động nghiên cứu được xây dựng và thực hiện theo các hướng dẫn tại Công văn số 120/UBND-TCTN ngày 26/01/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc hướng dẫn chế độ chi tiêu đón tiếp khách, chi tiêu tổ chức các hội nghị, hội thảo và công văn số 121/UBND-TCTN ngày 26 /01/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc hướng dẫn chế độ công tác phí, chế độ tổ chức các cuộc hội nghị. Ngoài ra, Quy định này quy định mức xây dựng dự toán chi thù lao tối đa tham gia hội thảo khoa học như sau:

- Người chủ trì: 1.000.000 đồng/buổi hội thảo;
- Thư ký hội thảo: 350.000 đồng/buổi hội thảo;
- Báo cáo viên trình bày tại hội thảo: 1.400.000 đồng/báo cáo;
- Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức hội thảo đặt hàng nhưng không trình bày tại hội thảo: 700.000 đồng/báo cáo;
- Thành viên tham gia hội thảo: 140.000 đồng/thành viên/buổi hội thảo.

6. Dự toán chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 58/2011/TT-BTC ngày 11/ 5/2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê.

7. Dự toán chi họp hội đồng tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN (nếu có): được xây dựng trên cơ sở số lượng thành viên hội đồng với mức chi bằng 40% mức chi cho hội đồng nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 Quy định này.

8. Dự toán chi phí quản lý chung nhiệm vụ KH&CN.

Tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước được dự toán các nội dung chi quản lý chung phục vụ nhiệm vụ KH&CN, bao gồm: chi điện, nước, các khoản chi hành chính phát sinh liên quan đảm bảo triển khai nhiệm vụ KH&CN tại tổ chức chủ trì; chi tiền lương, tiền công phân bổ đối với các hoạt động gián tiếp trong quá trình quản lý nhiệm vụ KH&CN của tổ chức chủ trì.

Dự toán kinh phí quản lý chung nhiệm vụ KH&CN bằng 4% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước nhưng tối đa không quá 50 triệu đồng.

9. Các khoản chi khác được vận dụng theo các quy định quản lý hiện hành của pháp luật.

Điều 8. Các nội dung chi quản lý nhiệm vụ KH&CN

1. Chi hoạt động của các Hội đồng tư vấn.

a) Chi tiền công thực hiện nhiệm vụ của thành viên các Hội đồng tư vấn KH&CN (*Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN, Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN và Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN*);

b) Chi tiền công phục vụ họp Hội đồng;

c) Chi công tác phí của các chuyên gia được mời tham gia công tác tư vấn;

d) Chi văn phòng phẩm, thông tin liên lạc phục vụ Hội đồng;

đ) Chi thuê dịch vụ KH&CN liên quan đến việc đánh giá của Hội đồng; thuê cơ sở vật chất phục vụ Hội đồng (nếu có).

2. Chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập (nếu có).

3. Chi thông báo tuyển chọn trên các phương tiện truyền thông.

4. Chi công tác kiểm tra, đánh giá giữa kỳ; kiểm tra, đánh giá sau khi giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, bao gồm:

- a) Chi công tác phí cho đoàn kiểm tra;
 b) Chi họp hội đồng đánh giá giữa kỳ (trong trường hợp cần thiết cần có Hội đồng đánh giá giữa kỳ).

5. Chi công tác phí của các chuyên gia được mời tham gia Tổ thẩm định nội dung, tài chính của nhiệm vụ.

6. Các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến hoạt động quản lý nhiệm vụ KH&CN.

Điều 9. Một số định mức chi quản lý nhiệm vụ KH&CN

1. Định mức chi hoạt động của các Hội đồng.

a) Chi tiền công.

Đơn vị tính: 1.000 đồng

| STT | Nội dung công việc | Đơn vị tính | Khung định mức chi tối đa | |
|----------|---|----------------------------|---------------------------|-----------|
| | | | Cấp tỉnh | Cấp cơ sở |
| 1 | Chi tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN | | | |
| a | Chi họp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN | Hội đồng | | |
| | Chủ tịch hội đồng | | 700 | 350 |
| | Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng | | 500 | 250 |
| | Thư ký hành chính | | 200 | 100 |
| | Đại biểu được mời tham dự | | 140 | 70 |
| b | Chi nhận xét đánh giá | 01 phiếu nhận xét đánh giá | | |
| | Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng | | 200 | 100 |
| | Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng | | 350 | 170 |
| 2 | Chi về tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN | | | |
| a | Chi họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN | Hội đồng | | |
| | Chủ tịch hội đồng | | 1.000 | 500 |
| | Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng | | 700 | 350 |
| | Thư ký hành chính | | 200 | 100 |

| | | | | |
|---|--|----------------------------|-------|-----|
| | Đại biểu được mời tham dự | | 140 | 70 |
| b | Chi nhận xét đánh giá | 01 phiếu nhận xét đánh giá | | |
| | Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng | | 350 | 170 |
| | Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng | | 500 | 250 |
| 3 | Chi thẩm định nội dung, tài chính của nhiệm vụ KH&CN | | | |
| | Tổ trưởng tổ thẩm định | Nhiệm vụ | 500 | 250 |
| | Thành viên tổ thẩm định | Nhiệm vụ | 350 | 170 |
| | Thư ký hành chính | Nhiệm vụ | 200 | 100 |
| | Đại biểu được mời tham dự | Nhiệm vụ | 140 | 70 |
| 4 | Chi tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ KH&CN | | | |
| a | Chi họp Hội đồng nghiệm thu | Nhiệm vụ | | |
| | Chủ tịch hội đồng | | 1.000 | 500 |
| | Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng | | 700 | 350 |
| | Thư ký hành chính | | 200 | 100 |
| | Đại biểu được mời tham dự | | 140 | 70 |
| b | Chi nhận xét đánh giá | Nhiệm vụ | | |
| | Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng | | 350 | 170 |
| | Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng | | 500 | 250 |

b) Các nội dung chi khác được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định hiện hành của pháp luật.

2. Định mức xây dựng dự toán chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập.

Trong trường hợp cần thiết (khi các Hội đồng tư vấn khoa học có ý kiến không thống nhất trong việc xem xét lựa chọn nhiệm vụ KH&CN; hoặc cơ quan có thẩm quyền quản lý nhiệm vụ KH&CN thấy cần thiết) có thể thuê chuyên gia tư vấn, đánh giá độc lập;

Tổng mức dự toán chi thuê chuyên gia độc lập được tính tối đa bằng 4 lần mức chi tiền công (bao gồm chi tiền công họp Hội đồng và chi nhận xét, đánh giá) của Chủ tịch Hội đồng tương ứng và do cơ quan có thẩm quyền quản lý nhiệm vụ KH&CN quyết định.

3. Chi thông báo tuyển chọn trên các phương tiện truyền thông (báo giấy, báo hình, báo điện tử và các phương tiện truyền thông khác): xây dựng dự toán trên cơ sở báo giá của các cơ quan truyền thông lựa chọn đăng tin.

4. Dự toán chi công tác kiểm tra, đánh giá giữa kỳ.

a) Dự toán chi công tác phí cho đoàn kiểm tra đánh giá giữa kỳ được xây dựng theo quy định hiện hành về chế độ công tác phí áp dụng cho các cơ quan nhà nước.

b) Dự toán chi tiền công cho Hội đồng đánh giá giữa kỳ (trong trường hợp cần thiết có Hội đồng đánh giá giữa kỳ) được áp dụng tối đa bằng 40% mức chi của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 Quy định này.

Mục II

LẬP, THẨM TRA, PHÊ DUYỆT VÀ QUYẾT TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KH&CN

Điều 10. Lập dự toán kinh phí đối với các hoạt động phục vụ công tác quản lý nhà nước của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các nhiệm vụ KH&CN

1. Đối với cấp tỉnh

Hàng năm, vào thời điểm xây dựng dự toán chi ngân sách nhà nước theo quy định, căn cứ vào kế hoạch xác định, tuyển chọn, xét giao trực tiếp các nhiệm vụ KH&CN trong năm; kế hoạch kiểm tra, đánh giá giữa kỳ, đánh giá nghiệm thu đối với các nhiệm vụ KH&CN trong năm và định mức chi quy định tại Quy định này. Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng dự toán kinh phí đối với các hoạt động phục vụ công tác quản lý nhà nước của nhiệm vụ KH&CN và tổng hợp vào dự toán chi sự nghiệp KH&CN của tỉnh, gửi Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Đối với cấp cơ sở

- Cấp huyện: Căn cứ Quyết định phân bổ dự toán chi sự nghiệp khoa học hàng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh, Phòng Kinh tế và Hạ tầng các huyện, thành phố xây dựng dự toán kinh phí đối với các hoạt động phục vụ công tác quản lý nhà nước của nhiệm vụ KH&CN và tổng hợp vào dự toán chi sự nghiệp KH&CN của huyện, thành phố, gửi cơ quan Tài chính cùng cấp thẩm định, trình Ủy ban nhân dân huyện, thành phố phê duyệt.

- Cấp ngành: Căn cứ vào kế hoạch thực hiện nhiệm vụ KH&CN hàng năm, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị xét duyệt nội dung, kinh phí đối với hoạt động phục vụ công tác quản lý của nhiệm vụ KH&CN theo từng nhiệm vụ cụ thể và tổ chức thực hiện.

Điều 11. Lập dự toán kinh phí của nhiệm vụ KH&CN

1. Căn cứ.

a) Mục tiêu, yêu cầu, nội dung và khối lượng công việc nghiên cứu của nhiệm vụ KH&CN đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Các định mức kinh tế - kỹ thuật do các Bộ, ngành chức năng ban hành, định mức làm căn cứ xây dựng dự toán quy định tại Quy định này và các chế độ, chính sách hiện hành của Nhà nước. Trường hợp không có định mức kinh tế - kỹ thuật thì cần thuyết minh cụ thể chi tiết căn cứ lập dự toán.

2. Yêu cầu.

a) Dự toán kinh phí của nhiệm vụ KH&CN được xây dựng và thuyết minh theo từng nội dung nghiên cứu và gắn với các kết quả, sản phẩm cụ thể của nhiệm vụ KH&CN.

b) Tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ có trách nhiệm xây dựng dự toán trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt nhiệm vụ KH&CN.

Điều 12. Thẩm định, phê duyệt, giao dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN

1. Cơ quan Tài chính cùng cấp chịu trách nhiệm tổ chức việc thẩm định dự toán kinh phí của nhiệm vụ KH&CN theo đúng chế độ quy định. Trường hợp, các nội dung chi không có định mức kinh tế - kỹ thuật do các Bộ, ngành chức năng ban hành thì cơ quan quản lý nhiệm vụ KH&CN có ý kiến bằng văn với cơ quan có thẩm quyền duyệt nhiệm vụ KH&CN xem xét, quyết định.

2. Dự toán nhiệm vụ KH&CN được giao cho cơ quan quản lý nhiệm vụ KH&CN và thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo quy định hiện hành.

Điều 13. Quyết toán kinh phí nhiệm vụ KH&CN

Việc quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước được thực hiện theo các quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Khoa học và Công nghệ và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 14. Công bố kết quả nghiên cứu và chi đăng ký sáng chế, giải pháp hữu ích

Nội dung chi công bố kết quả nghiên cứu (đã được công bố) và chi đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ (đã được cấp bằng) được thanh toán trực tiếp tại Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ tỉnh theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ tỉnh do Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình ban hành.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Điều khoản thi hành

1. Đối với các nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước thời điểm Quy định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo các quy định hiện hành tại thời điểm phê duyệt.

2. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản mới ban hành.

Điều 16. Tổ chức thực hiện

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các Sở, Ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh bằng văn bản về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Quang